

## UNIT 11: THIS IS MY FAMILY

- **photo**: bức ảnh
- **picture**: bức tranh/bức ảnh
- **his**: của anh ấy, của ông ấy,...
- e.g. **his mother**: mẹ của anh ấy
- **her**: của cô ấy, của chị ấy,...
- e.g. **her father**: bố của chị ấy

**1. How old is your brother?** (Anh trai của bạn bao nhiêu tuổi?)

Có 2 cách trả lời:

--> **He's** 7 years old.

**He's** 7.

=> Vì **brother** là con trai nên câu trả lời dùng **He**

**2. How old is your grandmother?** (Bà của bạn bao nhiêu tuổi?)

Có 2 cách trả lời:

--> **She's** 68 years old.

**She's** 68.

=> Vì **grandmother** là phụ nữ nên câu trả lời dùng **She**

**2. My father is 40 years old.** : Bố của tôi 40 tuổi.

-> Chỗ gạch chân các con có thể đổi thành viên gia đình khác nhé

**3. There are 5 people in my family.** : Có 5 người trong gia đình của tôi.

-> Chỗ gạch chân các con có thể đổi số thành viên trong gia đình nhé

### Exercise: Listen and write

1. **Tom:** That's my \_\_\_\_\_.

**Mai:** How old is she?

**Tom:** She's \_\_\_\_\_.

2. **Tom:** That's my \_\_\_\_\_.

**Linda:** How old is he?

**Tom:** \_\_\_\_\_.

3. **Mai:** \_\_\_\_\_?

**Tom:** \_\_\_\_\_.

**Mai:** How old is she?

**Tom:** She's \_\_\_\_\_.

4. **Mai:** And \_\_\_\_\_?

**Tom:** \_\_\_\_\_.

**Mai:** How old is he?

**Tom:** \_\_\_\_\_.